BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1808 /QĐ - ĐHKTQD	*Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận chuyển đổi kết quả học tập cho chương trình đào tạo Trung cấp, Cao đẳng lên Đại học hình thức vừa làm vừa học đợt 4 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Nghị định số 99/NQ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ vào Quyết định 368/QĐ-TTg ngày 17/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH Kinh tế quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính Phủ phiên họp Chính Phủ thường kỳ tháng 10 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 31/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-ĐHKTQD ngày 14/02/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân quy định đào tạo đại học hình thức vừa làm vừa học theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân;

Căn cứ Quyết số 1931/QĐ-ĐHKTQD ngày 10/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân quy định công nhận chuyển đổi kết quả học tập về đào tạo liên thông trung cấp, cao đẳng lên đại học hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Khung chương trình đào tạo 40 chuyên ngành trình độ đại học vừa làm vừa học theo học chế tín chỉ, áp dụng năm 2017 kèm theo Quyết định số 163/QĐ-ĐHKTQD ngày 16/02/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân;

Căn cứ vào kết luận của Hội đồng xét chuyển đổi kết quả học tập ngày 19/8/2020;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Đại học Tại chức.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận chuyển đổi kết quả học tập 628 học phần cho 76 sinh viên khóa K52, K53 hình thức đào tạo vừa làm vừa học có danh sách kèm theo:

TT	Địa điểm học	Lớp chuyên ngành	Số SV xin chuyển đổi	Tổng số HP xét chuyển đổi	Tổng số tín chỉ xét chuyển đổi
1	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán	3	41	108
		QTKD	1	3	8
2	Trung tâm GDTX – NN- TH Hải Dương	Kế toán	6	48	121
3	Trường Trung cấp Tài chính Hà Nội	Kế toán	4	28	69
4	Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc	Kế toán	12	122	320
5	Trường Cao đẳng KT – KT Điện Biên	Kế toán	12	145	358

Scanned with CamScan

6	Trung tâm GDTX tỉnh Gia Lai	Kế toán	15	140	363
7	Trung tâm GDTX tỉnh Phú Yên	Luật Hành chính	18	79	192
8	Trường Trung cấp Luật Tây Bắc	Luật Hành chính	4	21	52
9	Trường Cao đẳng Than – KS Việt Nam	Luật kinh doanh	1	1	2
	Tổng		**76**	**628**	**1593**

Điều 2. Trường khoa Đại học Tại chức, các phòng ban có liên quan trong trường và các sinh viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Các đơn vị đặt lớp có SV xét chuyển đổi;
- Lưu P.TH, Khoa ĐHTC.

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG XÉT CHUYỂN ĐỔI KQHT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

PGS.TS. Phạm Hồng Chương

Scanned with CamScan

Phụ lục 1

DANH SÁCH CÔNG NHẬN CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN, K52,K53 HỆ VLVH ĐỢT 4 NĂM 2020

TT	Mã số SV/HS	Họ và tên			NLCB của CN Mác-Lênin 1	NLCB của CN Mác-Lênin 2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đường lối CM của ĐCSVN	Ngoại ngữ	Toán cho các nhà kinh tế 1	LT XS và thống kê toán 1	Pháp luật đại cương	Tin học đại cương	Kinh tế vi mô 1	Kinh tế vĩ mô 1	Quản lý học	Quản trị kinh doanh	Toán cho các nhà kinh tế 2	Hệ thống thông tin quản lý	Xã hội học	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1	Nguyên lý kế toán	Quản trị tài chính	Nguyên lý thống kê	Kiểm toán căn bản	Kế toán quản trị 1	Kế toán tài chính 1	Pháp luật kinh doanh	Kế toán tài chính 2	Hệ thống thông tin kế toán	Kinh tế lượng 1	Thuế	Tiếng anh ngành kế toán	Kế toán công ty	Lịch sử kinh tế
				Số tiết →	30	45	30	45	135	30	45	30	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	30
				Số tín chỉ	2	3	2	3	9	2	3	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2
				Ngày sinh	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
1. Trường Đại học Kinh tế quốc dân																																				
1	20 - 0054	Phạm Ngân	Hằng	04/06/1994		7.6															9.4	6.0	6.6				8.6		8.0				7.2		
2	20 - 0053	Trần Hoàng	Phương	10/03/1999						5.8											6.9	5.4	6.3		7.4		7.7		8.6						
3	20 - 0049	Nguyễn Thị Thu	Thủy	03/07/1989	7.0	5.5	5.0					7.0		5.0		6.0						6.0	6.0		7.0	8.0	9.0	7.0	8.0			7.0			
2. Trung tâmGDTX - Ngoại ngữ - Tin học tỉnh Hải Dương																																				
1	20HD_045	Trần Thị Ngọc	Linh	22/10/1993	7.5	7.5	7.7			8.3				8.2								7.3				8.2	5.3		7.7						
2	20HD_046	Vũ Thị Ánh	Tuyết	04/11/1992	6.0	6.0	8.0	7.0		5.0												7.0				7.0	7.0		7.0						
3	20HD_048	Nguyễn Thị	Hảo	04/02/1990	6.9	7.3	7.5			7.0																									
4	20HD_053	Trịnh Thị	Phượng	26/09/1991	7.0	7.0	7.0	8.0		6.0		6.0		6.0								7.0					8.0		8.0						
5	20HD_052	Vũ Thị Trung	Anh	13/01/1999	7.8		8.0			8.1																									
6	20HD_009	Hoàng Thị	Loan	22/05/1990		7.0								6.5									5.4	6.9			7.0		7.6						
3. Trường Trung cấp Tài chính Hà Nội																																				
1	20HTY_049	Nguyễn Thị Kim	Chi	04/10/1990	7.0	7.0	5.6			5.7	5.8	6.5		5.4	7.9	6.4						7.1		6.3			7.2		6.5						
2	20HTY_051	Phạm Thị	Phương	04/10/1989																		7.1													
3	20HTY_058	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	09/02/1985	5.5	7.8				5.4		6.2															7.9		8.4						
4	20 - 0052	Tạ Thị Quỳnh	Anh	04/07/1993	6.0					7.0																									
4. Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc																																				
1	20VP_044	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	18/05/1990		5.0								7.3							5.6	5.8	5.1				7.1		5.6						
2	20VP_042	Vũ Thị Lan	Hương	18/02/1998	7.2	7.1	7.4	8.1		5.5	5.4	6.4			5.1						5.2				5.8			7.0	5.1						
3	20VP_049	Đàm Đức	Bang	27/03/1983		6.1															5.8	5.4	5.5				5.4								
4	20VP_051	Lương Thị	Tình	19/10/1980		6.5				5.0							6.8					6.0	5.5	5.3			5.5								
5	20VP_050	Nguyễn Thị Bích	Thủy	25/03/1997	7.1		6.8	7.3		7.3		7.6																							
6	20VP_047	Triệu Thị Lan	Anh	26/01/1989	6.0	6.8				7.0				5.0							6.8	6.2	6.0				7.0		9.0						
7	20VP_053	Lại Thị Thanh	Huyền	30/06/1988		7.6								7.8							8.6	7.8	9.1				8.4		8.1						
8	20VP_054	Lê Thị	Huyền	05/05/1989	7.0	6.0	6.0			6.0				8.0									7.0												
9	20VP_056	Trần Thị	Nga	24/02/1988	5.0					8.0				6.0	7.0								7.0				7.0								
10	20VP_052	Đỗ Thị	Huế	05/12/1990		8.2								7.8							8.1	7.7	8.5				7.4		8.7						
11	20VP_059	Lê	Hoàng	10/12/1993		7.4						7.6		8.2	7.1		7.8				7.8	7.2	7.6	8.0	7.6	7.2	8.0		8.2			8.4			
12	20VP_060	Nguyễn Thị	Mai	15/03/1993	5.0	7.0	7.0	8.0		7.0	7.0	6.0																							
5. Trường Cao đẳng KT - KT Điện Biên																																				
1	20DB_016	Vàng A	Chồng	15/12/1987		5.5																6.2					6.5								
2	20DB_019	Cháng A	Thu	20/08/1987		6.0								5.0							6.0	6.0													
3	20DB_023	Mùa Thị Thu	Trang	15/11/1993	6.5	5.3	7.3	7.4		5.2		7.2									6.0		5.7												
4	19DB_056	Souphalin	Chindavong	13/01/1998	8.3	8.7	7.3	7.2		7.5		7.3		6.8								6.9					9.0	8.3							
5	19DB_046	Thạo Phuông Kẹo	Kẹo Sốm Phăn	26/12/1990	5.2	5.6	5.8	5.5		5.3		5.4		5.7							5.2	5.3	5.0												

Scanned with CamScanner

DANH SÁCH CÔNG NHẬN CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN, K52,K53 HỆ VLVH ĐỢT 4 NĂM 2020

Phụ lục 1

TT	Mã số SV/HS	Họ và tên			NLCB của CN Mác-Lênin 1	NLCB của CN Mác-Lênin 2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đường lối CM của ĐCSVN	Ngoại ngữ	Toán cho các nhà kinh tế 1	LT XS và thống kê toán 1	Pháp luật đại cương	Tin học đại cương	Kinh tế vi mô 1	Kinh tế vĩ mô 1	Quản lý học	Quản trị kinh doanh	Toán cho các nhà kinh tế 2	Hệ thống thông tin quản lý	Xã hội học	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1	Nguyên lý kế toán	Quản trị tài chính	Nguyên lý thống kê	Kiểm toán căn bản	Kế toán quản trị 1	Kế toán tài chính 1	Pháp luật kinh doanh	Kế toán tài chính 2	Hệ thống thông tin kế toán	Kinh tế lượng 1	Thuế	Tiếng anh ngành kế toán	Kế toán công ty	Lịch sử kinh tế
				Số tiết →	30	45	30	45	135	30	45	30	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	30
				Số tín chỉ	2	3	2	3	9	2	3	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2
				Ngày sinh	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
6	19DB_041	Thạo Bun Ping	Luồng Phạ Can	08/10/1989	5.2	5.7	5.9	6.6		6.0		5.5		5.0							5.0	5.5	5.8												
7	19DB_042	Nang Phin Pha Thong	Na Khon Súc	03/06/1991	5.4	6.4	6.0	5.7		6.3		6.1		7.1							5.2	5.5	5.5												
8	19DB_045	Thạo Sốm Kẹo	Phim Mạ Chăn	30/07/1990	5.5	5.6	6.3	5.4		6.2		5.4		5.1							6.5		5.6												
9	19DB_043	Phuthasone	Siamphon	07/12/1994	6.0	8.0	8.1	8.0		8.0		5.0		5.0	8.1			8.0			5.0	6.1	6.1				5.6	5.0							
10	19DB_044	Sôm Phạ Phêng	Sôm Sò Sò	14/09/1991	6.5					5.3				8.5	6.5								5.7				7.1		8.0						
11	19DB_055	Sula	Xaichaleun	16/09/1995	5.6	8.0	7.5	5.7		6.4		6.1		6.1								8.1					8.3	6.8							
12	20DB_021	Trần Xuân	Bắc	18/04/1983																							7.3								
6. Trung tâm GDTX tỉnh Gia Lai																																			
1	20GL_011	Nguyễn Thị Kim	Oanh	24/09/1987				7.0		6.2	6.4			5.5													6.1								
2	20GL_013	Nguyễn Thị Thu	Hằng	20/08/1987		5.0								7.5							7.7	7.0													
3	20GL_014	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	13/05/1990		7.2	5.9	6.4		6.4		6.7									6.3	6.7													
4	20GL_015	Đinh Thị	Hoa	18/08/1990		5.5															6.9	7.5	6.5				5.5		5.5						
5	20GL_016	Nguyễn Văn	Hùng	13/07/1986																	8.2	7.7	8.2				8.1		8.4						
6	20GL_017	Trương Thị	Lành	20/04/1990	6.0	6.0	7.0	6.0		6.0		7.0		8.0	8.0		6.0		6.0			8.0	5.0			9.0									
7	20GL_019	Phan Thị Thu	Nga	13/02/1988			7.9	7.6																		6.0				7.7					
8	20GL_020	Đinh Hoàng	Phúc	21/10/1990																		6.1					5.8					5.8			
9	20GL_021	Trương Thị	Quyết	20/03/1992		6.0	7.0	7.0		6.0				6.0												7.0	5.0		5.0						
10	20GL_022	Nay Hà	Quỳnh	01/08/1988		5.7								5.0							5.6	5.1	6.5				6.5		5.0						
11	20GL_023	Phan Tiến	Tiệp	19/11/1988																							8.0								
12	20GL_025	Hồ Thị	Trinh	17/08/1998																		7.1	7.6				7.5		7.2						
13	20GL_026	Lê Thị Kim	Trinh	16/11/1993	7.4	5.8	6.4	7.0		6.6		6.6									5.9	6.0	6.3			5.3	7.8								
14	20GL_027	Đỗ Thị Phương	Thanh	21/08/1993	6.0	7.0	7.0	7.0		6.0		5.0		6.0		7.0							6.0	10.0			7.0	6.0							
15	20GL_028	Nguyễn Thị	Lệ	10/02/1987	7.4	6.5	8.0			8.5		8.0		7.0							7.3	7.0	8.7			6.0	8.0		9.0						

Phụ lục 1

DANH SÁCH CÔNG NHẬN CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN, K52,K53 HỆ VLVH ĐỢT 4 NĂM 2020

TT	Mã số SV/HS	Họ và tên			Dân số và phát triển	Quản lý công nghệ	Thống kê kinh doanh	Lập và Quản lý dự án đầu tư	Dự báo kinh tế và kinh doanh	Kinh tế phát triển	Kinh tế và quản lý môi trường	Kinh tế vi mô 2	Quản trị nhân lực	Kỹ năng quản trị	Marketing căn bản	Thị trường chứng khoán	Thị trường bất động sản	Tài chính công	Tài chính quốc tế	Thanh toán quốc tế	Kế toán tài chính 3	Kế toán công	Phân tích báo cáo tài chính	Kế toán quản trị 2	Kiểm toán tài chính 1	Đề án môn học	Phân tích kinh doanh	Thẩm định dự án đầu tư	Ngân hàng thương mại	Kiểm soát quản lý	Kế toán quốc tế	Kế toán dự án đầu tư	Kế toán ngân hàng	Số học phần được xét	Số tín chỉ xét CĐ cả khóa
				Số tiết →	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	45	45	30	45	30	30	30	30	30	30	30		
				Số tín chỉ	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	2	3	2	2	2	2	2	2	2		
				Ngày sinh	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60		
1. Trường Đại học Kinh tế quốc dân																																		41	108
1	20 - 0054	Phạm Ngân	Hằng	04/06/1994			7.0								7.4									6.4			7.0							11	29
2	20 - 0053	Trần Hoàng	Phương	10/03/1999			6.8									8.4					9.2	7.5					6.5							12	31
3	20 - 0049	Nguyễn Thị Thu	Thủy	03/07/1989			5.0								6.0						8.0	8.0												18	48
2. Trung tâmGDTX - Ngoại ngữ - Tin học tỉnh Hải Dương																																		48	121
1	20HD_045	Trần Thị Ngọc	Linh	22/10/1993											8.2												8.7							11	28
2	20HD_046	Vũ Thị Ánh	Tuyết	04/11/1992																	5.0													10	26
3	20HD_048	Nguyễn Thị	Hảo	04/02/1990											7.6						6.2													6	13
4	20HD_053	Trịnh Thị	Phượng	26/09/1991												9.0											9.0							12	30
5	20HD_052	Vũ Thị Trung	Anh	13/01/1999																														3	6
6	20HD_009	Hoàng Thị	Loan	22/05/1990																														6	18
3. Trường Trung cấp Tài chính Hà Nội																																		28	69
1	20HTY_049	Nguyễn Thị Kim	Chi	04/10/1990						8.0					5.7																			15	39
2	20HTY_051	Phạm Thị	Phương	04/10/1989																														1	3
3	20HTY_058	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	09/02/1985												8.4																		7	17
4	20 - 0052	Tạ Thị Quỳnh	Anh	04/07/1993												6.0													6.0				6.0	5	10
4. Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc																																		122	320
1	20VP_044	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	18/05/1990			6.6														5.6	5.1					6.5							11	30
2	20VP_042	Vũ Thị Lan	Hương	18/02/1998																	7.4						5.7							14	36
3	20VP_049	Đàm Đức	Bang	27/03/1983			5.0																											6	17
4	20VP_051	Lương Thị	Tình	19/10/1980			5.1																				5.0							9	24
5	20VP_050	Nguyễn Thị Bích	Thủy	25/03/1997																														5	11
6	20VP_047	Triệu Thị Lan	Anh	26/01/1989			6.2													7.0		6.0					8.0							13	34
7	20VP_053	Lại Thị Thanh	Huyền	30/06/1988			8.8														8.0	8.1					7.7							11	30
8	20VP_054	Lê Thị	Huyền	05/05/1989			6.0								6.0												6.0							9	21
9	20VP_056	Trần Thị	Nga	24/02/1988																7.0		6.0					7.0							9	23
10	20VP_052	Đỗ Thị	Huế	05/12/1990			9.4																				8.3							9	25
11	20VP_059	Lê	Hoàng	10/12/1993			7.5			7.8						7.7						7.4					7.5							19	52
12	20VP_060	Nguyễn Thị	Mai	15/03/1993																														7	17
5. Trường Cao đẳng KT - KT Điện Biên																																		145	358
1	20DB_016	Vàng A	Chồng	15/12/1987			5.9															5.5					6.5							6	16
2	20DB_019	Cháng A	Thu	20/08/1987														6.0				5.0					6.0							7	19
3	20DB_023	Mùa Thị Thu	Trang	15/11/1993											7.4			5.1										7.4				6.4		12	28
4	19DB_056	Souphalin	Chindavong	13/01/1998									8.8		6.2												8.1							13	32
5	19DB_046	Thạo Phuông Kẹo	Kẹo Sổm Phăn	26/12/1990			5.0								7.9			5.2					5.8					7.6				6.9	16	39

Scanned with CamScanner

DANH SÁCH CÔNG NHẬN CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN, K52,K53 HỆ VLVH ĐỢT 4 NĂM 2020

Phụ lục 1

TT	Mã số SV/HS	Họ và tên			Dân số và phát triển	Quản lý công nghệ	Thống kê kinh doanh	Lập và Quản lý dự án đầu tư	Dự báo kinh tế và kinh doanh	Kinh tế phát triển	Kinh tế và quản lý môi trường	Kinh tế vi mô 2	Quản trị nhân lực	Kỹ năng quản trị	Marketing căn bản	Thị trường chứng khoán	Thị trường bất động sản	Tài chính công	Tài chính quốc tế	Thanh toán quốc tế	Kế toán tài chính 3	Kế toán công	Phân tích báo cáo tài chính	Kế toán quản trị 2	Kiểm toán tài chính 1	Đề án môn học	Phân tích kinh doanh	Thẩm định dự án đầu tư	Ngân hàng thương mại	Kiểm soát quản lý	Kế toán quốc tế	Kế toán dự án đầu tư	Kế toán ngân hàng	Số học phần được xét	Số tín chỉ xét CĐ cả khóa
				Số tiết →	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	45	45	30	45	30	30	30	30	30	30	30	30		
				Số tín chỉ	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2		
				Ngày sinh	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60		
6	19DB_041	Thạo Bun Ping	Luổng Phạ Can	08/10/1989			6.3								5.6			5.7					5.8						6.9				7.0	16	39
7	19DB_042	Nang Phin Pha Thong	Na Khon Súc	03/06/1991			6.4									5.8		6.8					5.8						6.4				7.8	16	39
8	19DB_045	Thạo Sổm Kẹo	Phim Mạ Chăn	30/07/1990			6.9								7.2			5.3											7.4				5.8	14	33
9	19DB_043	Phuthasone	Siamphon	07/12/1994												5.5			6.6									6.7	5.5				6.3	19	48
10	19DB_044	Sôm Phạ Phêng	Sôm Sò Sò	14/09/1991							9.4				8.0												8.8						7.0	11	27
11	19DB_055	Sula	Xaichaleun	16/09/1995											6.7								7.3					6.9	6.0					14	35
12	20DB_021	Trần Xuân	Bắc	18/04/1983																														1	3
6. Trung tâm GDTX tỉnh Gia Lai																																		**140**	**363**
1	20GL_011	Nguyễn Thị Kim	Oanh	24/09/1987												6.7											5.3							7	18
2	20GL_013	Nguyễn Thị Thu	Hằng	20/08/1987																		7.5												5	15
3	20GL_014	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	13/05/1990												5.7				5.2		6.7												10	25
4	20GL_015	Đinh Thị	Hoa	18/08/1990			6.5														6.5						6.0							9	24
5	20GL_016	Nguyễn Văn	Hùng	13/07/1986											9.0																			6	17
6	20GL_017	Trương Thị	Lành	20/04/1990			6.0						8.0		8.0				7.0															17	43
7	20GL_019	Phan Thị Thu	Nga	13/02/1988																													7.2	5	13
8	20GL_020	Đinh Hoàng	Phúc	21/10/1990											6.4					7.3									5.5				6.3	7	17
9	20GL_021	Trương Thị	Quyết	20/03/1992				8.0								6.0											7.0							11	28
10	20GL_022	Nay Hà	Quỳnh	01/08/1988			5.8														5.0						6.5							10	27
11	20GL_023	Phan Tiến	Tiệp	19/11/1988																							8.0							2	5
12	20GL_025	Hồ Thị	Trinh	17/08/1998											6.5							7.1					6.5							7	19
13	20GL_026	Lê Thị Kim	Trinh	16/11/1993						6.3												6.8					6.0							14	36
14	20GL_027	Đỗ Thị Phương	Thanh	21/08/1993											6.0					9.0														14	36
15	20GL_028	Nguyễn Thị	Lệ	10/02/1987			8.0								6.0						7.0						6.0							16	40

Scanned with CamScanner

DANH SÁCH CÔNG NHẬN CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP CHUYÊN NGÀNH LUẬT HÀNH CHÍNH K52,53 ĐỢT 4 NĂM 2020

Phụ lục 2

TT	Mã HS/SV	Họ và tên				Những NLCB của CN Mác-Lênin 1	Những NLCB của CN Mác-Lênin 2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	Ngoại ngữ	Tin học đại cương	Kinh tế vi mô 1	Kinh tế vĩ mô 1	Quản lý học 1	Quản trị kinh doanh 1	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1	Nguyên lý kế toán	Lý luận Nhà nước và pháp luật 1	Lý luận Nhà nước và pháp luật 2	Luật hiến pháp	Luật hành chính	Luật dân sự 1	Luật dân sự 2	Luật hình sự 1	Công pháp quốc tế	Luật thương mại 1	Luật thương mại 2	Tư pháp quốc tế	Luật tố tụng dân sự	Luật lao động	Luật tố tụng hình sự	Luật thương mại quốc tế	Luật sở hữu trí tuệ	Lịch sử Nhà nước và pháp luật VN	Lịch sử văn minh thế giới	Logic học	Đại cương văn hóa Việt Nam	Thống kê kinh doanh	Kinh tế đầu tư	Phân tích kinh doanh
					Số tiết →	30	45	30	45	135	45	45	45	45	45	45	45	30	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	30	45	45	30	30	30	30	30	30	30
					Số tín chỉ	2	3	2	3	9	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2
				Giới tính	Ngày sinh	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
1. Trung tâm GDTX tỉnh Phú Yên																																								
1	20PY_048	Lê Nguyên	Đăng	Nam	05/09/1993	6.9		7.0																																
2	20PY_052	Nguyễn Đình	Huy	Nam	19/02/1989	6.5	6.4																											6.7						
3	20PY_020	Nguyễn Khắc	Nam	Nam	20/12/1989	7.0	7.0	7.0				7.0	9.0					7.0																				7.0		
4	20PY_035	Nguyễn Văn	Thoại	Nam	20/04/1970																																			
5	20PY_037	Bùi Thị Nguyên	Trang	Nữ	12/10/1991	8.0	7.0	8.0				9.0	5.0			7.0	7.0	7.0								7.0														
6	20PY_065	Phạm Thanh	Chung	Nam	03/11/1992	6.0		7.3	8.2									6.1																						
7	20PY_067	Lê Thị Mỹ	Dung	Nữ	15/05/1995	8.2	7.9	8.3	6.1									7.1																						
8	20PY_073	Đinh Thị Phương	Ngân	Nữ	13/02/1988	6.0	7.0	6.0																																
9	20PY_078	Nguyễn Văn	Tánh	Nam	03/07/1983																									7.3										
10	20PY_076	Trần Thị Kim	Phượng	Nữ	04/02/1984												7.0									8.0												8.0		
11	20PY_082	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	06/10/1985		7.0					6.0				5.4	5.0																					6.0		6.0
12	20PY_087	Phạm Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	27/03/1987	6.0	6.7																																	
13	20PY_085	Trần Thị Tuyết	Trang	Nữ	10/01/1980		6.0					6.0				5.8	6.0																					7.0		6.0
14	20PY_090	Lưu Xuân	Hùng	Nam	03/04/1990	5.0		7.5	7.5																															
15	20PY_099	Nguyễn Ngọc	Đức	Nam	15/04/1992													7.0																						
16	20PY_102	Lê Văn	Nhuận	Nam	22/03/1992																									6.0										
17	20PY_103	Nguyễn Thanh	Phương	Nữ	02/12/1978		6.0					7.0				5.4	5.0																					7.0		
18	20PY_080	Trần Thị	Thắm	Nữ	16/07/1980		5.0					5.0				6.4	6.5																					5.3		5.7
2. Trường Trung cấp Luật Tây Bắc																																								
1	20SL_040	Lò Văn	Định	Nam	01/05/1968													6.1			6.3	6.7																		
2	20SL_038	Lò Văn	Bình	Nam	18/10/1994													6.9			5.7	6.4																		
3	20SL_040	Lò Thị	Huệ	Nữ	14/05/1993	6.0	6.0	8.0	5.0																															
4	20SL_045	Lò Thị	Lan	Nữ	15/02/1986													8.0			5.0			6.0		8.0				7.0	6.0									

Scanned with CamScanner

DANH SÁCH CÔNG NHẬN CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP CHUYÊN NGÀNH LUẬT HÀNH CHÍNH K52,53 ĐỢT 4 NĂM 2020

Phụ lục 2

TT	Mã HS/SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Kinh tế phát triển	Luật hình sự 2	Đạo đức kinh doanh	Tâm lý quản lý	Xây dựng văn bản pháp luật	Pháp luật môi trường	Luật học so sánh	Kinh doanh quốc tế	Kiểm toán căn bản	Quản trị chiến lược	Quản lý phát triển kinh tế địa phương	Pháp luật thanh tra, khiếu nại tố cáo	Pháp luật đất đai	Pháp luật về tổ chức chính quyền ĐP	Luật tố tụng hành chính	Trách nhiệm hành chính	Pháp luật đầu tư công	Đề án môn học luật hành chính	Quyền con người, quyền công dân	Luật hôn nhân và gia đình	Quản lý nhà nước về kinh tế thị trường	Pháp luật giao dịch điện tử	Tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước	Dịch vụ công và hợp đồng hành chính	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	Thủ tục hành chính	Kỹ luật và khen thưởng hành chính	Pháp luật an sinh xã hội	Kỹ năng tư vấn pháp luật	Kỹ năng GQ các tranh chấp hành chính	Chuyên đề thực tập tốt nghiệp	Số học phần được xét chuyển đổi	Số tín chỉ được bảo lưu cả khóa
					Số tiết →	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	150		
					Số tín chỉ	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	10		
						36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66		
1. Trung tâm GDTX tỉnh Phú Yên																																					79	192
1	20PY_048	Lê Nguyên	Đăng	Nam	05/09/1993																																2	4
2	20PY_052	Nguyễn Đình	Huy	Nam	19/02/1989				6.8																						8.2						5	11
3	20PY_020	Nguyễn Khắc	Nam	Nam	20/12/1989	7.0																															8	19
4	20PY_035	Nguyễn Văn	Thoại	Nam	20/04/1970				6.5																												1	2
5	20PY_037	Bùi Thị Nguyên	Trang	Nữ	12/10/1991																																9	24
6	20PY_065	Phạm Thanh	Chung	Nam	03/11/1992																																4	9
7	20PY_067	Lê Thị Mỹ	Dung	Nữ	15/05/1995				8.0																												6	14
8	20PY_073	Đinh Thị Phương	Ngân	Nữ	13/02/1988																																3	7
9	20PY_078	Nguyễn Văn	Tánh	Nam	03/07/1983														7.0																		2	4
10	20PY_076	Trần Thị Kim	Phượng	Nữ	04/02/1984					6.0																											4	10
11	20PY_082	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	06/10/1985								6.0																								7	18
12	20PY_087	Phạm Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	27/03/1987				7.0																												3	7
13	20PY_085	Trần Thị Tuyết	Trang	Nữ	10/01/1980								6.0																								7	18
14	20PY_090	Lưu Xuân	Hùng	Nam	03/04/1990																																3	7
15	20PY_099	Nguyễn Ngọc	Đức	Nam	15/04/1992																																1	2
16	20PY_102	Lê Văn	Nhuận	Nam	22/03/1992																																1	2
17	20PY_103	Nguyễn Thanh	Phương	Nữ	02/12/1978					5.0			5.0																								7	18
18	20PY_080	Trần Thị	Thắm	Nữ	16/07/1980																																6	16
2. Trường Trung cấp Luật Tây Bắc																																					21	52
1	20SL_040	Lò Văn	Định	Nam	01/05/1968												8.0																				4	10
2	20SL_038	Lò Văn	Bình	Nam	18/10/1994												5.9																				4	10
3	20SL_040	Lò Thị	Huệ	Nữ	14/05/1993																																4	10
4	20SL_045	Lò Thị	Lan	Nữ	15/02/1986					7.0								7.0							6.0												9	22

Scanned with CamScanner

DANH SÁCH CÔNG NHẬN CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP LUẬT KINH DOANH K52 TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG THAN KHOÁNG SẢN VN

Phụ lục 3

TT1	TT	Mã số SV/HS	Họ và tên		Giới tín		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Toán cho các nhà kinh tế 1	Tin học đại cương	Kinh tế vi mô 1	Kinh tế vĩ mô 1	Quản lý học 1	Quản trị kinh doanh 1	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1	Nguyên lý kế toán	Lý luận nhà nước và pháp luật 1	Lý luận nhà nước và pháp luật 2	Luật hiến pháp	Luật hành chính	Luật dân sự 1	Luật dân sự 2	Luật hình sự 1	Công pháp quốc tế	Luật thương mại 1	Luật thương mại 2	Tư pháp quốc tế	Luật tố tụng dân sự	Luật lao động	Luật tố tụng hình sự	Luật thương mại quốc tế	Luật sở hữu trí tuệ	Tiếng anh pháp lý 1	Xây dựng văn bản pháp luật	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	Lịch sử nhà nước và pháp luật Thế giới	Dân số phát triển	Lịch sử văn minh thế giới	Cơ sở văn hóa việt Nam
						Số tiết →																																			
						Số tín chỉ	2	3	2	3	2	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3	2	3	3	3	3	3	2	3	2	3	2	3	3	2	2	2	2	2
						Ngày sinh	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
1	1	20CP_038	Nguyễn Đức	Toàn	Nam	30/11/1996					7.0																														

Scanned with CamScanner

Phụ lục 3

DANH SÁCH CÔNG NHẬN CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP LUẬT KINH DOANH K52 TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG THAN KHOÁNG SẢN VN

TT	Mã số SV/HS	Họ và tên				Xã hội học	Tiếng anh pháp lý 2	Luật học so sánh	Pháp luật môi trường	Thống kê kinh doanh	Pháp luật hôn nhân và gia đình	Pháp luật cạnh tranh	Luật hình sự 2	Kinh doanh quốc tế	Logic học	Nghề luật và luật sư	Kỹ năng tư vấn pháp luật cộng đồng	Kỹ năng xác lập và thực hiện hợp đồng thương mại	Pháp luật đất đai	Pháp luật giao dịch điện tử	Pháp luật tài chính	Pháp luật đấu thầu	Chuyên đề pháp luật kinh doanh bảo hiểm	Pháp luật kinh doanh bất động sản	Pháp luật ngân hàng	Chuyên đề pháp luật chứng khoán	Pháp luật hoạt động du lịch	Pháp luật đầu tư	Pháp luật thi hành án	Đề án môn học Luật thương mại	Số học phần được xét	Số tín chỉ xét CĐ cả khóa
					Số tiết →																												
					Số tín chỉ	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
				Giới tín	Ngày sinh	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60		
1	20CP_038	Nguyễn Đức	Toàn	Nam	30/11/1996																										1	2

Scanned with CamScanner

DANH SÁCH CÔNG NHẬN CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH K53 HỆ VLVH HỌC TẠI TRƯỜNG ĐHKTQD ĐỢT 4 NĂM 2020 Phụ lục 6

TT	Mã số SV/HS	Họ và tên				NLCB của CN Mác-Lênin 1	NLCB của CN Mác-Lênin 2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đường lối CM của ĐCSVN	Ngoại ngữ	Toán cho các nhà kinh tế 1	LT XS và thống kê toán 1	Pháp luật đại cương	Tin học đại cương	Kinh tế vi mô 1	Kinh tế vĩ mô 1	Quản lý học	Quản trị kinh doanh 1	Toán cho các nhà kinh tế 2	Xã hội học	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1	Nguyên lý kế toán	Quản trị chiến lược1	Quản trị Maketing	Quản trị tác nghiệp 1	Quản trị nhân lực	Quản trị tài chính	Pháp luật kinh doanh	Kinh doanh quốc tế 1	Hệ thống thông tin quản lý	Thống kê kinh doanh	Kinh tế lượng 1	Phân tích kinh doanh	Kinh tế vi mô 2	Kinh tế học quản lý	Quản lý công nghệ	Lịch sử các học thuyết kinh tế	An sinh xã hội	Kinh tế phát triển	Kinh tế đầu tư	Kinh tế và quản lý môi trường
					Số tiết →	30	45	30	45	135	30	45	30	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	30	30	30	30	30	30
					Số tín chỉ	2	3	2	3	9	2	3	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2
				Giới tín	Ngày sinh	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
1	20_0021	Nguyễn Khắc	Trí	Nam	18/10/1983		6.4	6.9																									7.2								

Scanned with CamScanner

DANH SÁCH CÔNG NHẬN CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH K53 HỆ VLVH HỌC TẠI TRƯỜNG ĐHKTQD ĐỢT 4 NĂM 2020 Phụ lục 6

TT	Mã số SV/HS	Họ và tên				Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	Tiếng anh ngành Quản trị kinh doanh	Kinh doanh bất động sản	Quản trị kinh doanh bảo hiểm	Thị trường chứng khoán	Quản trị kinh doanh công nghiệp	Quản trị kinh doanh thương mại	Quản trị kinh doanh nông nghiệp	Quản trị kinh doanh xây dựng	Quản trị văn phòng	Quản trị kinh doanh 2	Khởi sự kinh doanh	Tái lập doanh nghiệp	Quản trị chi phí kinh doanh	Kiểm soát	Đề án Quản trị kinh doanh tổng hợp	Quản trị chất lượng	Chuyên đề chiến lược kinh doanh toàn	Chuyên đề phương pháp tối ưu trong ki	Quản trị năng suất	Nghiên cứu kinh doanh	Quản trị hậu cần	Quản trị đa văn hóa	Quản trị đổi mới	Giao tiếp kinh doanh và thuyết trình	Quản trị công ty	Kỹ năng quản trị	Quản trị điều hành dự án	Chuyên đề thực tập tốt nghiệp	Số tín chỉ được bảo lưu cả khóa	Số tín chỉ được bảo lưu cả khóa
					Số tiết →	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	45	45	45	45	45	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	150		
					Số tín chỉ	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	10		
				Giới tín	Ngày sinh	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66		
1	20_0021	Nguyễn Khắc	Trí	Nam	18/10/1983																															3	8

Scanned with CamScanner